

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Đức định hướng Biên phiên dịch

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN

(Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2022-2023**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	GER2080	Tiếng Đức 1A	3	6
4	GER2081	Tiếng Đức 1B	3	6
	GER2082	Tiếng Đức 2A.1	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	GER2082	Tiếng Đức 2A.2	3	3
9	GER2083	Tiếng Đức 2B	3	6
10	GER2090	Tiếng Đức cơ bản	3	6
		Cộng	18	27

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	GER2084	Tiếng Đức 3A	3	6
14	GER2085	Tiếng Đức 3B	3	6
	GER2086	Tiếng Đức 3C.1	0	3
15	Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)		6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
16	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
17	GER2086	Tiếng Đức 3C.2	3	3
18	GER2087	Tiếng Đức 4A	3	6
19	GER2088	Tiếng Đức 4B	3	6
20	Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các học phần của nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)		6	6
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Đức định hướng Biên Phiên dịch (SV Bậc 4)

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)										
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết		TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8			2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	GER2084	Tiếng Đức 3A	3	6
4	GER2085	Tiếng Đức 3B	3	6
	GER2086	Tiếng Đức 3C.1	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	4
8	GER2086	Tiếng Đức 3C.2	3	3
9	GER2087	Tiếng Đức 4A	3	6
10	GER2088	Tiếng Đức 4B	3	6
		Cộng	18	28

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	GER2089	Tiếng Đức 4C	3	6
14	GER2003	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	3
15-16		Tự chọn khối II.2	6	6

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	GER2092	Các loại hình văn bản tiếng Đức	3	3
19	GER2093	Tranh biện về các vấn đề xã hội	3	3
20	GER2094	Tiếng Đức giao tiếp đa phương tiện	3	3
21		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)	6	6

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Đức định hướng Kinh tế

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN

(Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	GER2080	Tiếng Đức 1A	3	6
4	GER2081	Tiếng Đức 1B	3	6
	GER2082	Tiếng Đức 2A.1	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	GER2082	Tiếng Đức 2A.2	3	3
9	GER2083	Tiếng Đức 2B	3	6
10	GER2090	Tiếng Đức cơ bản	3	6
		Cộng	18	27

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	GER2084	Tiếng Đức 3A	3	6
14	GER2085	Tiếng Đức 3B	3	6
	GER2086	Tiếng Đức 3C.1	0	3

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	GER2086	Tiếng Đức 3C.2	3	3
19	GER2087	Tiếng Đức 4A	3	6
20	GER2088	Tiếng Đức 4B	3	6
21		Tự chọn III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6

		Tự chọn khối II.2			
15-16	(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)			6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3	
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3	
	GER2001	Địa chính trị	3	3	
		Cộng	17	26	

	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3	
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3	
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3	
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3	
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3	
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3	
	FLF1054	Thư pháp	3	3	
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3	
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3	
		Cộng	14	20	

Năm học 2024-2025

Học kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
22	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
23	GER2089	Tiếng Đức 4C	3	6
24	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3
25	GER2039	Đất nước học Đức	3	3
26	GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	3
27	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	GER2001	Địa chính trị	3	3
	GER1001	Địa lý đại cương	3	3
	GER1002	Môi trường phát triển	3	3
	GER1003	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
28		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các học phần của nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	19	22

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
30	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
31	GER3016	Biên dịch	3	3
32	GER3029	Phiên dịch	3	3
33	GER3039	Tiếng Đức tài chính ngân hàng	3	3
34		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)	6	6
	GER2055	Văn học Đức 1	3	3
	GER2015	Đất nước học Áo Thụy Sĩ	3	3
35		Tự chọn V.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)	9	9
	GER3035	Phương pháp giảng dạy tiếng Đức	3	3
	GER3045	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3
	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	3
	INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3
	BSA2002	Nguyên lý Marketing	3	3
		Cộng	20	20

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH**Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức****Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Đức định hướng Kinh tế (SV bậc 4)****CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN**

(Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2022-2023**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	GER2084	Tiếng Đức 3A	3	6
4	GER2085	Tiếng Đức 3B	3	6
	GER2086	Tiếng Đức 3C.1	0	3
..				
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	GER2086	Tiếng Đức 3C.2	3	3
9	GER2087	Tiếng Đức 4A	3	6
10	GER2088	Tiếng Đức 4B	3	6
		Cộng	18	27

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	GER2089	Tiếng Đức 4C	3	6

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	GER2092	Các loại hình văn bản tiếng Đức	3	3
19	GER2093	Tranh biện về các vấn đề xã hội	3	3

14	GER2003	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	3
15-16	Tự chọn khối II.2		6	6
	GER2001	Địa chính trị	3	3
	GER1001	Địa lý đại cương	3	3
	GER1002	Môi trường phát triển	3	3
	GER1003	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	GER2001	Địa chính trị	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	17	20

20	GER2094	Tiếng Đức giao tiếp đa phương tiện	3	3
21	Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)		6	6
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
		Cộng	14	14

Năm học 2024-2025

Học kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
22	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
23	GER2095	Viết luận đại học	3	3
24	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3
25	GER2039	Đất nước học Đức	3	3
26	GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	3
27	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
28	Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)		6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053* *	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002* *	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	19	19

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
30	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
31	GER3016	Biên dịch	3	3
32	GER3029	Phiên dịch	3	3
33	GER3039	Tiếng Đức tài chính ngân hàng	3	3
34	Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)		6	6
	GER2055	Văn học Đức 1	3	3
	GER2015	Đất nước học Áo Thụy Sĩ	3	3
35	Tự chọn V.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)		9	9
	GER3035	Phương pháp giảng dạy tiếng Đức	3	3
	GER3045	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3
	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	3
	INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3
	BSA2002	Nguyên lý Marketing	3	3
		Cộng	20	20

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Đức định hướng Du lịch

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	GER2080	Tiếng Đức 1A	3	6
4	GER2081	Tiếng Đức 1B	3	6
	GER2082	Tiếng Đức 2A.1	0	3
..				
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	GER2082	Tiếng Đức 2A.2	3	3
9	GER2083	Tiếng Đức 2B	3	6
10	GER2090	Tiếng Đức cơ bản	3	6
		Cộng	18	27

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	GER2084	Tiếng Đức 3A	3	6
14	GER2085	Tiếng Đức 3B	3	6
	GER2086	Tiếng Đức 3C.1	0	3
15		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
16	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
17	GER2086	Tiếng Đức 3C.2	3	3
18	GER2087	Tiếng Đức 4A	3	6
19	GER2088	Tiếng Đức 4B	3	6
20-21		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các học phần của nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)	6	6
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3

	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	GER2001	Địa chính trị	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	14	23

	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
		Cộng	17	23

Năm học 2024-2025

Học kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
22	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
23	GER2089	Tiếng Đức 4C	3	6
24	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3
25	GER2039	Đất nước học Đức	3	3
26	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	3
27	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
28	Tự chọn II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)		6	6
	GER2001	Địa chính trị	3	3
	GER1001	Địa lý đại cương	3	3
	GER1002	Môi trường phát triển	3	3
	GER1003	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các học phần của nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)		6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	19	22

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
30	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
31	GER3016	Biên dịch	3	3
32	GER3029	Phiên dịch	3	3
33	GER3041	Tiếng Đức du lịch nâng cao	3	3
34	GER3006	Nhập môn khoa học du lịch	3	3
	Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)		6	6
	GER2055	Văn học Đức 1	3	3
	GER2015	Đất nước học Áo Thụy Sĩ	3	3
35	Tự chọn V.3.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)		9	9
	GER3045	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3
	GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	3
	GER3003	Giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	GER3039	Tiếng Đức tài chính ngân hàng	3	3
	INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3
	TOU2003	Kinh tế du lịch	3	3
	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3
	TOU2009	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3
	TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
	GER3035	Phương pháp giảng dạy tiếng Đức	3	3
		Cộng	20	20

Năm học 2025-2026

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH**Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức****Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Đức định hướng Du lịch (SV bậc 4)****CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN**

(Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2022-2023**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	GER2084	Tiếng Đức 3A	3	6
4	GER2085	Tiếng Đức 3B	3	6
	GER2086	Tiếng Đức 3C.1	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	GER2086	Tiếng Đức 3C.2	3	3
9	GER2087	Tiếng Đức 4A	3	6
10	GER2088	Tiếng Đức 4B	3	6
		Cộng	18	27

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	GER2089	Tiếng Đức 4C	3	6
14	GER2003	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	3

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	GER2092	Các loại hình văn bản tiếng Đức	3	3
19	GER2093	Tranh biện về các vấn đề xã hội	3	3
20	GER2094	Tiếng Đức giao tiếp đa phương tiện	3	3

15-16	Tự chọn khối II.2		6	6
	GER2001	Địa chính trị	3	3
	GER1001	Địa lý đại cương	3	3
	GER1002	Môi trường và phát triển	3	3
	GER1003	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
	GER2001	Địa chính trị	3	3
		Cộng	17	20

21	Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)		6	6
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
		Cộng	14	14

Năm học 2024-2025

Học kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
22	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
23	GER2095	Viết luận đại học	3	3
24	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3
25	GER2039	Đất nước học Đức	3	3
26	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	3
27	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
28	Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)		6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
30	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
31	GER3016	Biên dịch	3	3
32	GER3029	Phiên dịch	3	3
33	GER3041	Tiếng Đức du lịch nâng cao	3	3
34	GER3006	Nhập môn khoa học du lịch	3	3
	Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)		6	6
	GER2055	Văn học Đức 1	3	3
	GER2015	Đất nước học Áo Thụy Sĩ	3	3
35	Tự chọn V.3.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)		9	9
	GER3045	Giao tiếp lễ tân và ngoại giao	3	3
	GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHÍNH

Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức

Ngành/ Định hướng: Sư phạm Tiếng Đức

Dành cho SV có năng lực tiếng Đức bậc 1

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>(SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)</i>	3	3
2		Ngoại Ngữ B1	5	5
3	GER2080	Tiếng Đức 1A	3	6
4	GER2081	Tiếng Đức 1B	3	6
	GER2082	Tiếng Đức 2A.1	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
8	GER2082	Tiếng Đức 2A.2	3	3
9	GER2083	Tiếng Đức 2B	3	6
10	GER2090	Tiếng Đức cơ bản	3	6
		(Tiếng Đức 2A sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	27

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
11	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	GER2084	Tiếng Đức 3A	3	6
14	GER2085	Tiếng Đức 3B	3	6
	GER2086	Tiếng Đức 3C.1	0	3
15		Tự chọn khối II.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)</i>	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	GER2001	Địa chính trị	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
16	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
17	PSF3007	Tâm lý học	3	3
18	GER2086	Tiếng Đức 3C.2	3	6
19	GER2087	Tiếng Đức 4A	3	6
20	GER2088	Tiếng Đức 4B	3	6
		(Tiếng Đức 3C sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
21-22		Tự chọn khối III.2 <i>(SV có thể chọn học các học phần của nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)</i>	6	6
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	20	29

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
23	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Đức

Ngành/ Định hướng: Sư phạm tiếng Đức

Dành cho SV có năng lực tiếng Đức bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>(SV có thể chọn học tại HKI)</i>	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
	GER2084	Tiếng Đức 3A	3	6
3	GER2085	Tiếng Đức 3B	3	6
4	GER2086	Tiếng Đức 3C.1	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
8	GER2086	Tiếng Đức 3C.2	3	3
9	GER2087	Tiếng Đức 4A	3	6
10	GER2088	Tiếng Đức 4B	3	6
		(Tiếng Đức 3C sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	27

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
11	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	GER2089	Tiếng Đức 4C	3	6
14	GER2003	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6
15-16		Tự chọn khối II.2	6	6

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	PSF3007	Tâm lý học	3	3
19	GER2092	Các loại hình văn bản tiếng Đức	3	6
20	GER2093	Tranh biện về các vấn đề xã hội	3	6
21	GER2094	Tiếng Đức giao tiếp đa phương tiện	3	6

FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
GER1001	Địa lý đại cương	3	3
GER1002	Môi trường phát triển	3	3
GER1003	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
GER2001	Địa chính trị	3	3
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
	Cộng	17	23

22		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)	6	6
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	26

Năm học 2024-2025

Học kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
23	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
24	PSF3008	Giáo dục học	3	3
25	GER2095	Viết luận đại học	3	3
26	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3
27	GER2039	Đất nước học Đức	3	3
28	GER3026	Lý luận giảng dạy tiếng Đức	3	3
29	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
30		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	22	22

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
33	PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3
34	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
35	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
36	GER3035	Phương pháp giảng dạy tiếng Đức	3	3
37		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP)	6	6
	GER2055	Văn học Đức 1	3	3
	GER2015	Đất nước học Áo Thụy Sĩ	3	3
38		Tự chọn khối V.2 (SV có thể chọn học các HP)	9	9
	GER3022	Giảng dạy ngoại ngữ theo định hướng hành động	3	3
	GER3037	Thiết kế giáo án và biên soạn học liệu	3	3
	GER3019	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3
		Cộng	22	22

Năm học 2025-2026

